



shēng bō

声波

noun · sound wave

Example Sentences

Shēng bō zài shuǐ zhōng chuán bō de gèng kuài.
声波在水中传播得更快。

Sound waves travel faster in water.

kē xué jiā yòng shēng bō lái tàn cè hǎi dǐ de dì xíng.
科学家用声波来探测海底的地形。

Scientists use sound waves to detect the topography of the seafloor.

Trace each character, then write the word on your own.

声	声	声	声	声	声	声	声	声	声	
波	波	波	波	波	波	波	波	波	波	波